

Số: /QĐ-UBND

Gia Lương, ngày 06 tháng 07 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công khai số liệu quyết toán ngân sách xã Gia Lương năm 2021
Sau kỳ họp thứ Ba HĐND xã khóa XXIV**

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ GIA LƯƠNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25/6/2015.

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước và chế độ báo cáo tình hình công khai tài chính đối với các cấp ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 05/07/2022 của HĐND xã Gia Lương về việc phê chuẩn quyết toán ngân sách xã Gia Lương năm 2021;

Xét đề nghị của công chức Tài chính - Kế toán ngân sách xã Gia Lương,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Công bố công khai số liệu Quyết toán ngân sách xã Gia Lương năm 2021 sau kỳ họp nhất HĐND xã khóa XXIV.

(Có phụ lục quyết toán ngân sách xã năm 2021 kèm theo).

Điều 2: Hình thức công khai: Số liệu quyết toán ngân sách xã Gia Lương năm 2020 được niêm yết công khai tại Trụ sở UBND xã Gia Lương, Đài truyền thanh xã và báo cáo bằng văn bản tới các cấp có thẩm quyền.

Điều 3: Văn phòng HĐND- UBND, Tài chính - Kế toán xã và các đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ
CHỦ TỊCH**

Nơi nhận:

- Phòng Tài chính - KH Huyện;
- Thường vụ Đảng ủy;
- Thường trực HĐND;
- Các đơn vị liên quan;
- Lưu Văn phòng.

Đoàn Thanh Bình

UBND Xã: Gia Lương

Biểu số 116/CK TC - NSNN

CÂN ĐỐI QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2021

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Đơn vị: 1000 đồng

NỘI DUNG THU	QUYẾT TOÁN	NỘI DUNG CHI	QUYẾT TOÁN
Tổng số thu	12.181.119	Tổng số chi	12.181.119
I. Các khoản thu xã hưởng 100 %	284.810	I. Chi đầu tư phát triển	6.363.712
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ	402.730	II. Chi thường xuyên	5.366.770
III. Thu bổ sung	10.418.968	III. Chi chuyển nguồn của ngân sách xã sang năm sau (nếu có)	450.638
- Bổ sung cân đối	4.376.900	IV. Chi nộp trả ngân sách cấp trên	
- Bổ sung có mục tiêu	6.042.068		
IV. Thu kết dư ngân sách năm trước			
V. Thu viện trợ			
VI. Thu chuyển nguồn từ năm trước sang của ngân sách xã (nếu có)	1.074.612		
Kết dư ngân sách			

QUYẾT TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2021

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Đơn vị: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN		QUYẾT TOÁN		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5 = 3/1	6 = 4/2
	Tổng số thu	12.756.083	12.052.131	12.729.536	12.181.119	99,79	101,07
I	Các khoản thu 100%	251.112	251.112	165.698	284.810	65,99	113,42
1	Phí, lệ phí	12.000	12.000	13.026	13.026	108,55	108,55
2	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	120.000	120.000	122.614	122.614	102,18	102,18
3	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp						
4	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định			25.225	25.225		
7	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân				119.112		
5	Thu khác			4.833	4.833		
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	1.120.000	416.048	1.070.259	402.730	95,56	96,80
1	Các khoản thu phân chia	92.000	92.000	75.024	75.022	81,55	81,55
1.1	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	8.000	8.000	9.174	9.174	114,68	114,68
1.2	Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình						
1.3	Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	4.000	4.000	6.100	6.100	152,50	152,50
1.4	Lệ phí trước bạ nhà, đất	80.000	80.000	59.749	59.747	74,69	74,68
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	1.028.000	324.048	995.235	327.708	96,81	101,13
2.1	Thu tiền sử dụng đất	1.000.000	301.648	964.368	301.648	96,44	100,00
2.2	Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước						
2.3	Thuế tài nguyên						
2.4	Thuế giá trị gia tăng	20.000	16.000	20.621	17.419	103,11	108,87
2.5	Thuế thu nhập doanh nghiệp						

2.6	Thuế thu nhập cá nhân	8.000	6.400	10.245	8.641	128,06	135,02
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)						
IV	Thu chuyển nguồn	966.003	966.003	1.074.612	1.074.612	111,24	111,24
V	Thu kết dư ngân sách năm trước						
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	10.418.968	10.418.968	10.418.968	10.418.968	100,00	100,00
1	Thu bổ sung cân đối	4.376.900	4.376.900	4.376.900	4.376.900	100,00	100,00
2	Thu bổ sung có mục tiêu	6.042.068	6.042.068	6.042.068	6.042.068	100,00	100,00

UBND Xã: Gia Lương

Biểu số 118/CK TC - NSNN

QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2021

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN			QUYẾT TOÁN			SO SÁNH QT/DT(%)		
		TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYỀN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYỀN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYỀN
A	B	1	2	3	4	5	6	7 = 4/1	8 = 5/2	9 = 6/3
	TỔNG CHI	12.052.131	6.665.360	5.386.771	12.181.119	6.665.360	5.515.759	101,07	100,00	102,39
	Trong đó:									
1	Chi công tác dân quân tự vệ, trật tự an toàn xã hội	516.520		516.520	516.520		516.520	100,00		100,00
2	Chi giáo dục	3.076.383	3.076.383		3.128.531	3.128.531		101,70	101,70	
3	Chi y tế	52.054	52.054		52.054	52.054		100,00	100,00	
4	Văn hóa TT-Truyền Thanh	75.200		75.200	75.200		75.200	100,00		100,00
5	Chi thể dục, thể thao	232.750	200.000	32.750	212.750	200.000	12.750	91,41	100,00	38,93
6	Chi bảo vệ môi trường									
7	Chi các hoạt động kinh tế	2.729.603	2.669.483	60.120	2.427.955	2.367.835	60.120	88,95	88,70	100,00
8	Chi hoạt động của các cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	4.835.233	482.802	4.352.431	4.783.641	431.211	4.352.430	98,93	89,31	100,00
9	Chi cho công tác xã hội	534.388	184.638	349.750	533.831	184.081	349.750	99,90	99,70	100,00
10	Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau				450.638	301.648	148.989			

